

SỨC MẠNH MỸ TẠI MỸ LATINH: TỪ HỌC THUYẾT MONROE ĐẾN VIỆC KIỂM SOÁT KÊNH ĐÀO PANAMA

Angélica Montes

Năm 1823, cả thế giới biết đến học thuyết Monroe của Mỹ, cái mà người ta có thể đơn giản hóa bằng khẩu hiệu "châu Mỹ là của người Mỹ". Học thuyết này đã ghi dấu trong mỗi quan hệ chính trị và kinh tế của cường quốc này với các nước Trung Mỹ và Caribbean trong suốt nửa cuối thế kỷ XIX và phần lớn thế kỷ XX.

Về đại thể, có thể khẳng định rằng những biểu hiện đầu tiên cho thấy sức mạnh cũng như tư tưởng trong học thuyết này của người Mỹ là cuộc cách mạng Mexico năm 1848, can thiệp ở Cuba năm 1898, rồi sự "đảm nhận" kênh đào Panama (1912), xâm lược Haiti (1915) và Trung Mỹ (Nicaragua từ 1925 đến 1933), và sau này là cuộc chiến chống chủ nghĩa cộng sản Cuba (1959).

Vào thời điểm đó, những biện hộ chính trị nào sẽ chứng minh cho sự can thiệp của Mỹ vào đời sống chính trị của các quốc gia khác trong khu vực và điều này sẽ mang lại những hậu quả gì? Người ta có thể khẳng định rằng việc xây dựng kênh đào Panama từ quan điểm địa chiến lược và địa chính trị là một trong những thành công lớn nhất mà học thuyết Monroe có được trong khu vực vào giai đoạn này. Vậy có phải can thiệp của Mỹ trong khu vực Tây bán cầu thuộc phạm vi của hệ tư tưởng "Số mệnh hiển nhiên"? Nó có phải là ví dụ tiêu biểu cho chủ nghĩa đơn phương và bảo hộ chính trị mà nước Mỹ thực hiện dễ dàng trong suốt những thập kỷ này?

Trả lời cho những câu hỏi này, từ quan điểm lịch sử trước hết cần phải tính đến những cơ sở chính trị và tư

tưởng đằng sau chủ nghĩa can thiệp của Mỹ: những lợi hại mà các học thuyết và/hoặc các lý thuyết chính trị thống trị đối với Mỹ Latinh trong thời kỳ này, sau đó là những tiền lệ lịch sử trong việc xây dựng Kênh đào Panama và những hệ quả chính trị và thương mại tức thời. Cuối cùng, người ta sẽ thấy làm thế nào để Kênh đào giúp các nước phía Bắc có tính cạnh tranh thương mại cần thiết để trở thành một cường quốc về mặt địa chính trị và chiến lược trước những nền cộng hòa tại Tây bán cầu.

I. Khía cạnh địa chính trị và tư tưởng

Nếu có một cái nhìn toàn cảnh về lịch sử của giai đoạn này, người ta sẽ thấy rằng sự hiện diện của các cường quốc châu Âu tại Tây bán cầu rất kín đáo và ít có tính chủ chốt hơn so với Mỹ. Chính xác thì nhà nước Cộng hòa non trẻ này đã trở thành ngọn hải đăng cho phần còn lại của Tây bán cầu. Về điểm này, nếu trong những năm 1960 và 1980, loại hình tân chủ nghĩa đế quốc Bắc Mỹ này được biện bạch bằng mối xung đột Đông - Tây, tuy nhiên sang đầu thế kỷ XX, người ta tự hỏi do đâu mà Mỹ tiến hành những can thiệp đầu tiên tại Tây bán cầu.

Đầu thế kỷ XIX, đế quốc Tây Ban Nha sụp đổ. Năm 1815, sau khi những cuộc chiến tranh Napoleon kết thúc ở Châu Âu, Fernando VII đã khôi phục lại vương quốc của mình. Dường như Tây Ban Nha, một thành viên của Liên minh thân thánh, đã có thể có được sự giúp đỡ của những cường quốc châu Âu

nhằm bảo vệ Nam Mỹ khỏi sự đe dọa từ các lực lượng cách mạng muốn lợi dụng "khoảng trống quyền lực" để mở đường cho sự giải phóng. Mọi việc đã không diễn ra như vậy. Nước Anh lúc đó bị lôi cuốn bởi những nền Cộng hòa trẻ và thị trường rộng lớn tự do châu Mỹ, đồng thời cũng không mong muốn tham gia vào các xung đột đẫm máu. Vì vậy, nước Anh không tìm kiếm sự thống trị về mặt chính trị, mà đề cao lợi ích kinh tế, đó là lý do tại sao nước này tỏ ra thận trọng (Tulio HALPERIN, 1986, trang 170)⁽¹⁾.

Về phần mình, nước Pháp hoàn toàn không phải là một mối đe dọa cho Anh. Pháp và Tây Ban Nha duy trì một mối quan hệ thương mại khá quan trọng với các quốc gia thuộc đại cũ, nhưng mối quan hệ này không bao giờ còn đạt được sự huy hoàng của quá khứ.

1. Học thuyết Monroe: hướng tiếp cận đầu tiên khi nghiên cứu quan hệ giữa Mỹ Latinh và Mỹ đầu thế kỷ XX là mối quan hệ được thúc đẩy trước hết bởi chiến lược về địa chính trị nhằm ngăn chặn các nguy cơ đe dọa từ châu Âu tại Tây bán cầu, trong một khuôn khổ an ninh duy trì đường biên giới an toàn, nhưng đồng thời cũng do lợi ích về thương mại.

Vào giai đoạn này, đời sống chính trị của Mỹ Latinh, sự thống nhất của nền chính trị, tỏ ra khá mong manh. Do những cuộc đấu tranh nội bộ tranh giành quyền lực chính trị (trước tiên là giữa các phe cánh gia đình, rồi giữa các thống tướng - Caudillo), một nền kinh tế yếu kém, và cả sự thiếu ổn định của mối quan hệ liên Mỹ⁽²⁾, người ra khẳng định rằng đây là bối cảnh thích hợp để cho các nước Bắc Mỹ thiết lập sức mạnh của mình mà không gặp phải sự kháng cự. Sự xuất hiện của nền Cộng hòa Mỹ non trẻ trong bối cảnh này mang tính chất quyết định đối với tương lai của các quốc gia châu Mỹ Latinh.

- Sau khi đưa ra quan điểm trung lập đối với các sự kiện của Mỹ Latinh (trong những năm đầu tiên của cuộc cách mạng thế kỷ XIX, nước Mỹ quan tâm nhiều hơn đến vấn đề bảo vệ lãnh thổ của mình). Vào năm 1823, Tổng thống Monroe đã khẳng định học thuyết cho rằng "lục địa châu Mỹ với địa vị tự do và độc lập đã được thừa nhận và gìn giữ, không thể được coi là đối tượng của chủ nghĩa thực dân châu Âu trong tương lai (...) chúng tôi coi tất cả các nỗ lực mở rộng hệ thống của các cường quốc châu Âu tại bất kỳ phần nào của Tây bán cầu là sự đe dọa cho hòa bình và an ninh của chúng tôi" (ARTAUD Denis, 1995, trang.13).

Người ta có thể hiểu tuyên bố này như sự cách ly khỏi châu Âu, tức là một tuyên bố đơn phương nhằm thúc đẩy mở rộng chủ nghĩa biệt lập trong khu vực; sự phụ thuộc vào Tây bán cầu và từ chối tham gia những liên minh bắt buộc.

- Những hệ quả của một tuyên bố như vậy được biểu lộ bằng sức mạnh trong những năm sau đó, vào thời điểm mà Mỹ mở rộng lãnh thổ của mình, không chỉ tại miền Tây của đất nước mà cả việc mua lại lãnh thổ gần biên giới hoặc vùng biên giới. Giữa năm 1845 và 1848, Mỹ chiếm khu vực Tây Nam: California, New Mexico và Texas. Năm 1861 họ mua Alaska từ Nga. Trước đó, năm 1803, Pháp đã bán Louisiana cho họ. Có một lý do để bao biện cho tất cả sự chiếm hữu các lãnh thổ này, đó là gìn giữ hòa bình và an ninh quốc gia của Mỹ, đồng thời ngăn chặn các mối đe dọa từ các cường quốc khác, đặc biệt là nước Anh.

Mọi việc đã đi xa hơn, sau Nội chiến và sau khi đã hoàn thành cuộc chinh phục miền Tây, Bắc Mỹ nhận thức được sức mạnh của mình và bắt đầu hướng về phía Nam: Mỹ đã can thiệp ở Cuba năm 1898 chống lại Tây Ban Nha, họ biện hộ rằng can thiệp này "là dựa trên những động cơ hợp lý, phù hợp với các

nguyên tắc nhân đạo chủ chốt và rất nhiều tiền lệ lịch sử của các quốc gia lân cận, nhằm ngăn chặn sự hy sinh vô ích trong cuộc xung đột đẫm máu diễn ra trên biên giới của họ "(KASPI André, 1986, trang 236. Tuyên bố của Tổng thống W. McKinley)

Một "cuộc chiến tranh nhỏ" trong vòng ba tháng đã đặt Cuba nằm dưới sự bảo trợ của Mỹ (Platt Paris, 1901) nhằm gìn giữ độc lập của đất nước này. Và Cuba đã bán hoặc trao cho Mỹ - như là một phần của thỏa thuận - một hợp đồng cho thuê lãnh thổ cho cơ sở dự trữ than hoặc các căn cứ hải quân của Mỹ tại một số điểm then chốt (Guantanamo).

Người ta có thể tin rằng "bảo vệ" Cuba, xâm lược Haiti (năm 1915), hỗ trợ cho sự độc lập của Panama (1904) và Nicaragua (1923-33) là nền tảng cho những lợi ích địa chiến lược về an ninh, vì vùng Trung Mỹ và Caribbean là đường biên giới thứ ba của Mỹ sau Đại Tây dương và Thái Bình dương. Trong trường hợp xung đột, biển Caribbean sẽ trở thành nơi bảo vệ then chốt: "để không một mối đe dọa nào có thể tác động đến Mỹ, đối với Chính phủ Mỹ, điều này phụ thuộc vào quyền tự do can thiệp tại bất kỳ nơi nào họ cho là cần thiết" (ARTAUD Denis, Ibid, trang 8). Trong những trường hợp đặc biệt của Nicaragua và Panama, lợi ích này mang tính kinh tế vì Mỹ cố gắng xây dựng một kênh đào nối liền hai đại dương để kiểm soát toàn bộ hoạt động thương mại.

2. Thuyết Sứ mệnh bành trướng:

Nếu đi xa hơn, người ta sẽ thấy những quan điểm khác về chủ nghĩa bành trướng của Mỹ, được thể hiện bởi một ý thức hệ "Anglo-Saxon" bảo vệ ý tưởng về thuyết cứu thế, theo đó nước Mỹ được sinh ra để thực hiện các một sứ mệnh do Thiên Chúa ban cho là "văn minh hóa thế giới".

- Ý tưởng này được mô tả chi tiết trong lý thuyết về Sứ mệnh bành trướng. Điều này, theo phóng viên báo chí John O'Sullivan (1845)⁽³⁾, khẳng định rằng, "phù hợp với các ý định của trời, ngay từ những ngày thiết lập nước Mỹ đã được trao cho sứ mệnh đặc biệt trong thế giới mới cũng như trong sự hòa hợp giữa các quốc gia và để trở thành một ngọn hải đăng thấp sáng vũ trụ" (trích dẫn bởi Porter J, 2000, trang 119). Sự diễn đạt quả quyết này phản ánh tinh thần của thời đại và một ý thức hệ được xác định chủ yếu từ trật tự chủng tộc, sinh ra từ đấu tranh để khẳng định ưu thế của Mỹ đối với các quốc gia và nhóm chủng tộc khác, và mặt khác cũng có thể giúp giải thích cho cuộc chiến tranh chiếm lấy Texas từ Mexico năm 1845, chống lại các dân tộc bản xứ, chiến tranh Ly khai 1860-1864, thái độ đối với người da đen ở phía Nam, được xem như một phần tư tưởng phân biệt chủng tộc này.

- Điều quan trọng là phải xem xét quan điểm này trong đời sống chính trị của đất nước, vì trước khi bị xóa bỏ, ý tưởng về "Sứ mệnh bành trướng" đã được phổ biến rộng rãi giữa thế kỷ XIX: nó định hướng cho chính sách đối ngoại của Mỹ. Ít nhất là đối với một phần giới tinh hoa theo Thanh giáo, việc mua lại Alaska năm 1847 có thể vì các dân cư trên lãnh thổ này là người thổ dân da đỏ, những lập luận theo quan điểm chủng tộc cũng đóng vai trò quan trọng trong trường hợp của Cuba, Puerto Rico và Philippines (Portes Jacque, 2000, trang 125). Trong lô-gích này, tính ưu việt trước những dân tộc láng giềng đã đáp ứng "quyền tự nhiên" của sứ mệnh văn minh hóa với tư cách là chủng tộc Anglo-Saxon ưu việt của Mỹ. Chúng ta không quên rằng một loại chủ nghĩa Darwin về chính trị và văn hóa đang xâm chiếm hệ tư duy chính trị của thế kỷ này. Luận điểm của Darwin về Thuyết tiến hoá (Nguồn gốc giống loài,

xuất bản năm 1859) mang lại ưu thế cho tất cả những ai ủng hộ chủ nghĩa đế quốc truyền giáo.

Bắc Mỹ trở thành người bảo trợ cho nền dân chủ cộng hòa tại bán cầu, được sự ân sủng của Đức Chúa Trời để tạo ra một mô hình mới của xã hội. Bản thân Tổng thống Mỹ Roosevelt đã kết hợp quan điểm cứu thế trong chính sách đối ngoại này với quan điểm của Monroe: từ quan điểm của giới tinh hoa chính trị thiên hướng của dân tộc Bắc Mỹ này trở thành một ngọn hải đăng dẫn đường cho hy vọng của một ngôi đền tự do của nhân loại. Đó là quan điểm mà các Tổng thống Mỹ phải có khi cai trị đất nước và đàm phán với các cường quốc khác. Cần phải đưa ra các hình thức hợp tác và thỏa thuận phù hợp với quan điểm này.

II. Kênh đào Panama

Dưới sự chỉ dẫn của những phân tích trên và tập trung vào logic của nó, liệu người ta có thể khẳng định rằng Kênh đào Panama là một "biểu hiện" khác của thuyết Sứ mệnh bành trướng?

1. Các nhân tố tác động trong khu vực: Ý tưởng xây dựng một kênh đào nối liền hai đại dương đã được những người Tây Ban Nha đưa ra trước đó. Tuy nhiên, Philip II với mong muốn ngăn chặn nhiệt tình của một bộ phận dân chúng, đã tuyên bố rằng "Con người không nên chia cách những gì Chúa đã kết hợp", và chủ đề về con kênh này không được nhắc đến trong vòng hai thế kỷ sau đó.

Tầm quan trọng của phân diêm đất này đã được Humboldt đặt ra thời gian sau đó, ông chỉ ra rằng khu vực này rất thuận lợi cho việc xây dựng những tuyến đường thủy, trong đó Panama và Nicaragua là một phân quan trọng.

Vào thời kỳ nhà cách mạng Bolivar, và ngay cả sau cái chết của ông, chủ đề này một lần nữa lại mang tính chất thời sự. Vào năm 1846, trước những nghi ngờ

hướng về sự quay trở lại của người Anh, Nueva Granada đã trao cho Mỹ quyền bảo vệ eo đất Panama với Hiệp ước Mallarino-Bidlack. Theo đó, Mỹ hứa sẽ tôn trọng chủ quyền và các lợi ích của Nueva Granada tại con kênh này.

Như vậy, Mỹ không phản đối ý định của các cường quốc khác nhằm xây dựng kênh đào nếu điều đó không hạn chế việc sử dụng vùng đất này. Năm 1843 Colombia đề xuất với Pháp và Anh xây dựng một con kênh trong khu vực, nhưng phải đặt an ninh của khu vực dưới sự bảo vệ của các toán quân của mình. Điều này không được chấp nhận. Nhiều năm sau, Mỹ đã cho phép nước Pháp làm điều đó: năm 1878 Napoleon III đã chọn kiến trúc sư Suez F. de Lesseps đảm nhiệm công việc xây dựng con kênh này.

Kết quả là một thất bại cho cả hai. Thời tiết xấu và những căn bệnh nhiệt đới đã chống lại cỗ máy "tiến bộ". Lesseps bị đổ vỡ về tài chính (1889), và rơi vào bê bối chính trị nổi tiếng nhất thời kỳ đó được gọi là "vụ Panama" do biển thủ tiền với sự tiếp tay của một số nhà chính trị, Lesseps đã bị cầm tù.

Cuối cùng, "nhờ vào" cuộc chiến tranh chống lại Tây Ban Nha ở Cuba (15/2/1898), dưới sự lãnh đạo của W. McKinley, tầm quan trọng chiến lược của việc xây dựng một con kênh đào phục vụ cuộc chiến tranh của Mỹ đã được đặt ra. Tuy nhiên, phải đến giai đoạn cầm quyền của Roosevelt (1901), dự án này mới được hình thành. Quốc hội Mỹ lưỡng lự giữa Nicaragua hay Panama, và cuối cùng Panama đã được quyết định là nơi xây dựng con kênh này.

- Trong bối cảnh rối loạn do nội chiến giữa phe Tự do và Bảo thủ, Colombia (đứng đầu là José Manuel Marroquín) và Mỹ đã ký Hiệp ước Herran-Hay sau những đàm phán kéo dài (1900-1903). Hiệp ước này trao cho Mỹ quyền kiểm soát vĩnh viễn ở kênh đào.

Ngày 12/8/1903 Quốc hội Colombia đã phủ nhận hiệp ước này, cho rằng nó vi phạm đến chủ quyền và lợi ích của mình, nhưng những người ly khai Panama và Mỹ không chấp nhận quyết định này. Với sự hỗ trợ của Chính phủ Mỹ, Panama đã tách khỏi Đại Colombia. Ngày 18/11 năm đó, một hiệp ước mới, Hay-Brunau-Varilla, đã trao cho Mỹ chủ quyền trên phạm vi khoảng 10 km từ mỗi bờ sông; đổi lại Mỹ đã trả cho Panama 10 triệu USD.

Mỹ giúp đỡ Panama đã bằng cách đưa các tàu chiến đến đóng tại khu vực giữa eo đất và phân lực địa để ngăn chặn sự xâm nhập của các toán quân Colombia. "Việc triển khai này" hoàn toàn không tôn trọng Hiệp ước 1846 (Mallarino-Bidlack). Sau đó, Chính quyền Roosevelt tiến hành xây dựng con kênh và vị tổng thống này tuyên bố rằng: "Tôi đã chiếm được Panama" (1911). Với những nhà sử học Colombia, đây là biểu hiện sức mạnh hung hãn nhất mang tính đế quốc chủ nghĩa của chính quyền Mỹ.

- Trước đó, Roosevelt [4] đã trù tính về một quan điểm cứu thế với học thuyết Monroe nhằm định hướng chính sách đối ngoại của mình tại Tây bán cầu; theo đó, trong khuôn khổ của chính sách đối ngoại bành trướng về thương mại (đã được Tổng thống tiên nhiệm McKinley đưa ra) kết hợp với quan điểm cứu thế mà theo đó các quốc gia Bắc Mỹ sẽ trở thành ngọn đèn hy vọng và đèn đài tự do cho nhân loại. Có như vậy, người ta mới biết làm thế nào mà chính sách đối ngoại phần lớn chính là sự kéo dài tính chất dân tộc của một Nhà nước.

Học thuyết "cây gậy lớn - big stick" của Roosevelt vẫn còn được ghi nhận trong ký ức của các quốc gia Mỹ Latinh như giai đoạn mà các vấn đề đều được nước Mỹ giải quyết bằng cách gửi các binh đoàn hải quân đến vùng Caribbean để thực hiện vai trò "sen đầm quốc tế tại bán cầu". "Hệ lụy của

Roosevelt về học thuyết Monroe" (1904) là sự tái khẳng định quan điểm này: không thôn tính, không can thiệp của những quốc gia khác ngoài Mỹ.

2. Các hệ quả đối với khu vực

- Trước khi hiệp ước "chuyển nhượng" được ký kết giữa tháng 1 và tháng 2 năm 1855, tuyến đường thủy này cho phép lưu thông 48 tàu của Mỹ, 1.200 hành khách và 44.000 tấn hàng hóa. Sau khi Hiệp ước Herran-Hay, một sự Mỹ hóa nền kinh tế các quốc gia nằm gần kênh đào đã bắt đầu. Đó là trường hợp của Colombia, nơi hoạt động khai thác than, dầu, và tất cả các dạng năng lượng đã trở nên phổ biến: 90% thị trường nhập khẩu của Colombia được thống trị bởi Mỹ. Tương tự, việc tự do sử dụng tuyến đường Panama cho phép xuất khẩu sắt thép đến Anh, Pháp và Tây Ban Nha tăng 30%.

Theo nhà sử học Kaspis, giữa năm 1901 và 1905, nền kinh tế Mỹ tăng trưởng 4%/năm. Mặc dù nguồn gốc sự tăng trưởng này được khẳng định nằm trong những tuyến đường sắt và dòng người nhập cư, nhưng nên nhớ rằng Trung Mỹ và Caribbean vẫn là ưu tiên của những ưu tiên: các cơ hội can thiệp vào khu vực này rất nhiều (các chính phủ không ổn định, gian lận bầu cử, tham nhũng, nền kinh tế chậm phát triển). Vũ khí tài chính đã trở thành một nhân tố quyết định. Từ 1897 đến 1914, đầu tư của Mỹ tại Mỹ Latinh tăng gấp 5 lần: "Biển Caribbean là một Địa Trung Hải của người Mỹ". Mía trồng tại Cuba nằm trong tay người Mỹ. Doanh nghiệp The United Fruit Company of Boston đã mua những diện tích khổng lồ tại Trung Mỹ, xây dựng các tuyến đường, bến cảng, đường sắt phục vụ cho việc vận chuyển chuối và các sản phẩm nhiệt đới khác". Sự tăng trưởng này có được nhờ vào sự bùng nổ của Chiến tranh Thế giới thứ nhất và tác động nghiêm trọng mà các nền kinh tế châu Âu phải hứng chịu.

- Các lợi ích có được nhờ vào kênh đào này được nhìn nhận rõ ràng hơn từ quan điểm địa chiến lược và địa chính trị. Trên bản đồ, Kênh đào này vẫn là một phần quan trọng, không chỉ vì việc Chính phủ Mỹ từ nay có thể tự do can thiệp vào nơi nào cần thiết trong khu vực, mà còn vì từ thời điểm xây dựng Kênh đào này, sức mạnh của Chính quyền Mỹ đối với những người hàng xóm của mình đã được thiết lập không che đậy.

Hơn nữa, sự kiểm soát này cho phép, trong khi những đất nước phía Nam bị tràn ngập bởi làn sóng nhập cư và có những mối quan hệ thương mại được củng cố, khu vực Trung Mỹ và Caribbean vẫn còn nằm dưới sự kiểm soát của người Mỹ.

Điều này không có nghĩa là các nước phía Nam và Mỹ không có những mối quan hệ thương mại trong giai đoạn này, lý do chính là vì đối với Mỹ, tầm quan trọng địa chiến lược của khu vực này là không đáng kể, ít nhất là trong thời điểm này. Tình hình đã thay đổi sau đó, khi những mối quan hệ quốc tế giữa các cường quốc châu Âu và Mỹ cũng như quan hệ giữa các cường quốc châu Âu với Mỹ Latinh chịu sự tác động của xung đột Đông-Tây: cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cộng sản.

Kết luận

Những biện minh cho sự can thiệp của Mỹ tại khu vực trong thế kỷ XIX được nhìn nhận qua hai lý do: trước hết là ý tưởng về an ninh quốc gia được thể hiện trong Học thuyết Monroe và theo đó cần phải an ninh hóa toàn khu vực như một biện pháp phòng ngừa mối đe dọa từ các cường quốc châu Âu, đặc biệt là từ Anh. Cần phải có một biện pháp an toàn để bảo vệ lãnh thổ và các lợi ích của Mỹ. Mặt khác, hệ tư tưởng Anglo-Saxon (Sứ mệnh bành trướng) mà theo đó người dân Mỹ có sứ mệnh trở thành ngọn hải đăng, giúp văn minh hóa và cứu giúp bán cầu; họ phải chỉ ra cho thế

giới giá trị của hệ thống chính trị dựa trên lòng tin vững chắc vào phẩm giá của con người.

Phù hợp với những quan điểm này, những người cộng hòa non trẻ của Bắc Mỹ đã mở đường cho tiến trình thực dân hóa, đặc trưng bởi chủ nghĩa can thiệp trong đời sống chính trị và kinh tế của các quốc gia lân cận. Nhiều ví dụ đã chỉ ra sức mạnh của Mỹ và quan điểm của đất nước này về thế giới: Mexico, Cuba, Panama, Haiti, Nicaragua đều cảm nhận được bàn tay sắt của chính sách đối ngoại này. Trong số tất cả các trường hợp, Kênh đào Panama, nhìn từ quan điểm địa chính trị và chiến lược, là một trong những thành công quan trọng nhất, vì nhờ vào nó các quốc gia phía Bắc có thể vững chắc trước mối đe dọa xâm nhập của các cường quốc châu Âu, đồng thời đảm bảo lợi ích kinh tế của mình tại vùng Caribbean ■

Chú thích:

- (1) Theo Hiệp ước Clayton-Bulwer 1850, Mỹ và Anh đã cam kết không thống trị bất kỳ khu vực nào của Trung Mỹ, không bố trí các công sự tại bất kỳ con kênh nào trong khu vực, trong trường hợp chúng được xây dựng. Sau năm 1901, Hiệp ước Hay-Pauncefote đã nhượng quyền cho Mỹ trách nhiệm xây dựng một con kênh nối liền hai đại dương trong phân eo đất thuộc Panama và để đảm bảo an ninh khu vực. Đó là một lý do chính đáng giúp Mỹ không vấp phải mâu thuẫn với nước Anh.
- (2) Tranh chấp biên giới Brazil - Argentina 1825-28, kết thúc với sự ra đời của Uruguay năm 1836, chiến tranh Thái Bình dương giữa Peru với Bolivia và Chile do tranh chấp khai thác quặng nitrate tại sa mạc Atacama.
- (3) Ngày 27/12/1845 phóng viên của tờ báo United States Magazine and Democratic Review lần đầu tiên đã sử dụng thuật ngữ Sứ mệnh bành trướng - Manifest Destiny.
- (4) Roosevelt chịu ảnh hưởng đối với các ý tưởng của nhà truyền đạo Josiah Strong, xuất bản năm 1885 trong tác phẩm "Our country", trong đó, ông khẳng định rằng những người Anglo-Saxon có sứ mệnh truyền bá phúc âm trên thế giới và mang lại cho nhân loại quyền tự do công dân. (KASPI, 1986, p. 240).

Người dịch: Nguyễn Khánh Vân
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ
Nguồn: www.puntodefuga.org